TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 790/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 826/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 421, đường X, Ấp 5, xã PVA, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 1640, đường Y, Ấp 2, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh BP. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Mai Thanh Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 421, đường X, Ấp 5, xã PVA, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày như sau:

Bà và ông Mai Thanh Th tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyển số 01/2012 ngày 11/4/2012.

Thời gian đầu chung sống, bà và ông Th đã xảy ra mâu thuẫn. Ông Th thường can thiệp vào các mối quan hệ bạn bè, gia đình của bà, không cho bà tiếp xúc với mọi người xung quanh và còn nghi ngờ bà không chung thủy. Bà cố gắng vì con cái mà chịu đựng đến ngày nay. Do sự chịu đựng của bà có giới hạn nên bà không thể sống chung nhà với ông Th. Năm 2021, bà đã bỏ về Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước sinh sống. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, bà và ông Th ít liên lạc, thỉnh thoảng bà có về để thăm con. Bà và ông Th không ai còn quan tâm lẫn nhau nữa. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 01 con chung tên Mai Thanh C, sinh ngày 10/4/2013 và đang sống cùng ông Th, bà giao con cho ông Th trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Mai Thanh Th đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Củ Chi phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà S và ông Th có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông Th đã xảy ra ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn, sống ly thân từ năm 2021, tình cảm vợ chồng bà S và ông Th ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà S là hợp lý. Về con chung: Bà S và ông Th 01 con chung tên Mai Thanh C, sinh ngày 10/4/2013, qua tham khảo ý kiến của cháu C, cháu có nguyện vọng sống cùng với ông Th do đó giao cháu C cho ông Th nuôi là phù hợp. Về tài sản chung: Bà S không có yêu cầu giải quyết; nợ chung bà S xác định không có nếu ông Th có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 29 tháng 4 năm 2021, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Mai Thanh Th có nơi cư trú tại Số 421, đường X, Ấp 5, xã PVA, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S:

Bà S và ông Mai Thanh Th tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, Quyển số 01/2012 ngày 11/4/2012, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà S trình bày, ông Th thường can thiệp vào các mối quan hệ bạn bè, gia đình của bà, không cho bà tiếp xúc với mọi người xung quanh và còn nghi ngờ bà không chung thủy. Bà cố gắng vì con cái mà chịu đựng đến ngày nay. Do sự chịu đựng của bà có giới hạn nên bà không thể sống chung nhà với ông Th. Bà đã bỏ về Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước sinh sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Hai vợ chồng không ai còn quan tâm lẫn nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông Th vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông Th không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà S xác định bà và ông Th đã sống ly thân, không còn ở cùng nhà. Xét thấy, bà S và ông Th không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà S và ông Th có 01 con chung tên Mai Thanh C, sinh ngày 10/4/2013. Qua tham khảo ý kiến về nguyện vọng của cháu C thì cháu có nguyện vọng sống cùng ông Th. Cháu C cũng đang sinh sống cùng với ông Th. Nhằm tạo điều kiện để cháu C phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu C, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu C cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S xin tạm thời không cấp dưỡng nuôi con, do ông Th vắng mặt nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Bà S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Tuy nhiên, do bị đơn ông Th vắng mặt tại phiên tòa, nếu ông Th có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Mai Thanh Th.

2. Về con chung:

Giao ông Th được trực tiếp nuôi con chung tên Mai Thanh C, sinh ngày 10/4/2013. Bà S tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Bà S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà S xác định không có. Do ông Th vắng mặt, nếu ông Th có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043493 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng